

SỰ BIẾN ĐỔI ĐỘ HIỆU LỰC CỦA ĐỘNG CƠ HỌC TẬP Ở SINH VIÊN SỰ PHẠM

ThS. TRẦN THỊ THÌN
 Trường Cao đẳng sư phạm Nghệ An

Động cơ học tập (ĐCHT) là hình ảnh tâm lý về đối tượng của hoạt động học tập và ý nghĩa, giá trị của nó đối với việc thoả mãn nhu cầu khác nhau của người học, trở thành yếu tố kích thích họ tích cực học tập linh hoạt đối tượng đạt mục đích học tập.

Trong hệ ĐCHT, mỗi ĐC có chức năng hướng dẫn, thúc đẩy hoạt động học tập của người học khác nhau. Nhiều nhà tâm lý học tán đồng ý kiến của A.N. Leonchiev, chia ĐC thành 2 nhóm: ĐC hiểu biết và ĐC hành động. Trường hợp khi con người có những điều kiện đặt cho mình mục đích tương ứng thì ĐC mới có hiệu lực. Còn khi nào không có điều kiện ấy thì dù mục đích, mục tiêu gắn với ĐC đó cũng không có hiệu lực, không kích thích được hoạt động nhằm thoả mãn nhu cầu, đổi lại tạo ra ước mơ mà thôi. Các ĐC thúc đẩy được hành vi là nhờ nhu cầu và nhờ kinh nghiệm cảm xúc về sự thoả mãn nhu cầu. Mỗi liên tưởng với trải nghiệm càng mạnh thì ảnh hưởng của ĐC đến hoạt động càng lớn.

Đặc điểm hiệu lực của ĐCHT thể hiện ở cường độ, độ bền của nó. Cường độ ĐCHT biểu hiện tập trung ở sự nỗ lực trí tuệ, mức độ tích cực vượt khó trong việc tìm kiếm và vận dụng tri thức, biểu hiện trong mức độ cảm xúc về kết quả học tập. Độ bền của ĐCHT là khả năng lập lại thường xuyên, liên tục hơn duy trì tác động lâu dài đối với hoạt động học tập của chủ thể. Người ta cho rằng ĐCHT nào ưu thế là có hiệu lực. Nếu người học nào có ĐCHT có liên quan trực tiếp đến hoạt động nhận thức, học tập ưu thế thì sẽ có độ mạnh, độ bền cao hơn so với ĐCHT không có liên quan trực tiếp đến hoạt động nhận thức, học tập ưu thế.

Do đó tìm hiểu độ hiệu lực của ĐCHT cần đo: **Loại ĐCHT ưu thế và độ mạnh và độ bền của ĐCHT.**

Chúng tôi chọn hành động lựa chọn phương án trong các tình huống giải bài tập và lựa chọn bài tập - một trong các hành động học tập thể hiện rõ nhất tính tự giác, tích cực, độc lập học tập của SVSP để làm phương tiện đo nghiệm.

Các đặc điểm tính ưu thế, độ mạnh, độ bền của ĐCHT biến đổi như thế nào dưới tác động đổi mới cách thức hoạt động học tập của SVSP?

Khách thể đo nghiệm hai lần là 227 SVSP của hai trường Cao đẳng sư phạm Nghệ An và Đại học

Vinh. Lần 1 đo năm học 2000 - 2001 và lần 2 vào năm học 2001 - 2002. Thời điểm đo lần 1 khi hai trường sử dụng phương pháp truyền thống, cơ bản là thuyết trình và hình thức dạy bài, lớp là chủ yếu. Thời điểm đo lần 2 khi hai trường đã bước đầu đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng kết hợp phương pháp dạy học truyền thống với phương pháp dạy học hiện đại, lồng các hình thức thực hành, giải bài tập, hình thức làm việc theo nhóm vào hình thức lên lớp. Các phương pháp mới về bản chất là tăng cường hoạt động học tập của người học phát huy tính tự giác, tích cực chủ động và sáng tạo cho SV. Trong các phương pháp mới, phương pháp dạy học giải quyết vấn đề và dạy học theo nhóm nhỏ được giảng viên sử dụng nhiều hơn. Chúng tôi đo đặc điểm độ hiệu lực và sự biến đổi của nó trước và sau tác động đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nên không dùng khái niệm khách thể đối chứng.

1. Kết quả đo sự biến đổi loại ĐCHT ưu thế:

Hoạt động học tập của SVSP là hoạt động nhận thức, học nghề. ĐCHT có liên quan trực tiếp đến hoạt động nhận thức học nghề (nhóm ĐC I) sẽ có độ bền cao hơn ĐCHT không liên quan trực tiếp đến hoạt động nhận thức học nghề (nhóm ĐC II).

Thực nghiệm: SV giải quyết 9 tình huống (Xem tài liệu tham khảo 3) bằng cách lựa chọn một trong ba phương án phù hợp với bản thân trong mỗi tình huống. Phương án SV tự giác, tích cực, say mê và tiến hành thường xuyên hành động giải bài tập; phương án SV tự giác, tích cực, có cảm xúc vừa phải và tiến hành thỉnh thoảng hành động giải bài tập; và phương án SV chưa tự giác, tích cực, cảm xúc âm tính và hiếm khi tiến hành hành động giải bài tập lần lượt cho 3, 2, 1 điểm. Điểm trung bình cộng gọi là I. Nếu $3,5 < I \leq 5$ thì SV đó có ĐC liên quan trực tiếp với hoạt động nhận thức, học tập ưu thế. Nếu $2,5 < I \leq 3,5$ thì chưa ngã ngũ là ĐC nào ưu thế. Nếu $I \leq 2,5$ thì SV có ĐC không liên quan trực tiếp đến nhận thức, học tập ưu thế.

Kết quả thực nghiệm qua hai lần chọn của 227 SV đo nghiệm ghi ở bảng 1: (xem trang bên).

Sau tác động có sự chuyển hóa ĐC sang nhóm ĐC I làm cho ĐC I ưu thế tăng lên 16,3% và nhóm ĐC II ưu thế giảm (4,4%), nhóm ĐC chưa rõ ưu thế giảm (11,9%).

Dùng phương pháp kiểm định của R. Lưỡng về sự khác nhau giữa hai con số % như sau:

Tra bảng và tính tsd (trước tác động 2) = 11,79 (với n = 227)

Bảng 1. ĐC ưu thế của SVSP trong tình huống giải bài tập thực nghiệm qua hai lần thực nghiệm (tính theo tỉ lệ %).

Khách thể	Tổng số SV		SV nhóm B		SV nhóm C	
	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2
ĐC ưu thế	42,7	59,0	50,9	67,1	40,1	55,2
Nhóm ĐC I	32,2	27,8	30,9	23,3	32,6	29,9
Nhóm ĐC II	25,1	13,2	18,2	9,6	27,3	14,9

$|P_{\text{Nhóm ĐC I}} - P_{\text{Nhóm ĐC II}}|$ (trước tác động) = 42,7% - 32,2% = 10,5% < 11,79. Sự khác nhau giữa hai con số % của hai nhóm ĐC I và ĐC II là không có ý nghĩa. Trước tác động 2 nhóm ĐC I ưu thế nhiều hơn nhóm ĐC II ưu thế nhưng chưa đủ phân biệt khác nhau.

Tra bảng và tính *tsd* (sau tác động) = 11,50 (với n = 227). $|P_{\text{Nhóm ĐC I}} - P_{\text{Nhóm ĐC II}}|$ (sau tác động 2) = 59,0% - 27,8% = 31,2% > 11,5. Sự khác nhau giữa hai con số % của hai nhóm ĐC I và ĐC II là có ý nghĩa. Nhờ tác động 2 nhóm ĐC I ưu thế nhiều hơn hẳn so với nhóm ĐC II ưu thế.

Sau tác động, nhóm ĐC I ưu thế của nhóm sinh viên B (SVB) tăng (16,2%), sinh viên C (SVC) cũng tăng nhiều (15,1%).

Tra bảng và tính *tsd* sau tác động $tsd = 18,27$ (với n của SVB = 73, n của SVC = 154)

$|P_{\text{Nhóm ĐC I SVB}} - P_{\text{Nhóm ĐC I SVC}}|$ (sau tác động 2) = 67,1 - 55,2 = 12,1% < 18,27. Sự khác nhau về tỉ lệ % nhóm ĐC I ưu thế giữa SVB và SVC không có ý nghĩa. Qua 2 tác động độ ưu thế của nhóm ĐC I giữa SVB và SVC chưa có sự khác biệt.

Kiểm định độ ưu thế các nhóm ĐC I và II trên mỗi nhóm SV như sau:

Sau tác động: *tsd* (của SVB sau tác động 2) = 15,14 (với n = 73)

$|P_{\text{Nhóm ĐC I SVB}} - P_{\text{Nhóm ĐC II SVB}}|$ = 67,1 - 23,3 = 43,8% > 15,14. Sự khác nhau giữa hai con số % của ĐC I và ĐC II của SVB là có ý nghĩa.

Sau tác động *tsd* (của SVC) = 14,41 (với n = 154)

$|P_{\text{Nhóm ĐC I SVC}} - P_{\text{Nhóm ĐC II SVC}}|$ (sau tác động 2) = 55,2 - 29,9 = 25,3% > 14,41. Sự khác nhau giữa hai con số % giữa ĐC I và ĐC II của SVC là có ý nghĩa.

Sau tác động cả SVB và SVC có nhóm ĐC I ưu thế nhiều hơn.

Như vậy, sau tác động do nhóm ĐC I ưu thế hơn nên ĐCHT của SVSP đã thể hiện có hiệu lực đối với hoạt động học tập của họ.

2. Kết quả do sự biến đổi độ mạnh và độ bền của ĐCHT

Thực nghiệm: Trước giờ giải bài tập, giảng viên nói rằng: Chúng tôi muốn đạt ứng nguyện vọng chọn bài tập của các em. Muốn vậy mỗi SV hãy chọn 6 trong số 12 bài. Các bài tập được đánh giá theo 3 tiêu chí: *Tính có vấn đề, mức khó khăn phức tạp và có tính lợi ích* của bài tập được quy điểm theo bảng cho sẵn (xem tài liệu 3). Dùng công thức:

$$E = \frac{\sum_{i=1}^n (a_i + b_i - c_i)}{n} \quad (\text{trong đó } a_i, b_i, c_i \text{ là điểm của bài tập tương ứng với ba tiêu chí nêu trên, } n = 6 \text{ để tính và kết luận).}$$

Nếu $E \geq 4$ nói lên ĐC vừa có sức mạnh vừa có độ bền vững cao.

Nếu $E < 4$ thì độ mạnh của ĐC chưa cao. ĐC chưa ổn định, độ bền còn nghi ngờ.

Kết quả hai lần lựa chọn bài tập của 227 SV hai trường ghi ở bảng 2.

Bảng 2. Độ mạnh, độ bền của ĐCHT ở SVSP trong lựa chọn giải bài tập.

Khách thể	Tổng số SV		Nhóm SV B		Nhóm SV C	
	Trước tác động (lần 1)	Sau tác động (lần 2)	Trước tác động (lần 1)	Sau tác động (lần 2)	Trước tác động (lần 1)	Sau tác động (lần 2)
Độ mạnh, độ bền của ĐCHT	44,1	61,7	50,9	69,9	41,9	57,8
Đ. ĐC yếu, chưa ổn định	55,9	38,3	49,1	30,1	58,1	42,2

Nhận xét: Sau tác động tỉ lệ % SV có ĐC hiệu lực tăng 18,1% làm cho đa số (81,7%) SV nhận thức được tác dụng của hình thức giải bài tập, vừa tích cực, say mê giải bài tập. Tuy thế còn 38,3% SV có ĐC tác động kích thích yếu, chưa ổn định, chưa phát huy tác dụng thường xuyên đối với họ. Chính ĐC đó đã ảnh hưởng đến thái độ học tập thiếu tự giác, thiếu tích cực của một bộ phận không ít SV.

Chúng tôi dùng phương pháp kiểm định của R. Ludwig về sự khác nhau giữa hai con số % như sau: *tsd* (trước tác động) = 12,15

$|P_{\text{Nhóm ĐC mạnh, bền}} - P_{\text{Nhóm ĐC yếu chưa ổn định}}|$ (trước tác động) = 44,1 - 55,9 = 11,8 < 12,15. Sự sai khác trên là chưa có ý nghĩa.

tsd (sau tác động) = 9,06

$|P_{\text{Nhóm ĐC mạnh, bền}} - P_{\text{Nhóm ĐC yếu, chưa ổn định}}|$ (sau tác động) = 61,7 - 38,3 = 23,3 > 9,06. Sự sai khác trên rất rõ rệt là có ý nghĩa.

Tóm lại. Sự biến đổi ĐCHT là kết quả tác động của nhiều nhân tố. Đối mới cả nội dung, phương pháp lẫn hình thức dạy học theo hướng phong phú, đa dạng và thích hợp với đối tượng SVSP sẽ làm thoả mãn nhu cầu nhận thức, học nghề, tăng cường hoạt động học tập tích cực và lòng say mê học tập của họ. Nhờ vậy ĐCHT thực sự có hiệu lực đối với hoạt động học tập của SVSP. □

Tài liệu tham khảo

- 1) Đặng Thanh Hùng, Dạy học hiện đại, lí luận, biện pháp kĩ thuật, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2002.
- 2) A.N. Leonchic, Hoạt động - ý thức - nhân cách, NXB Giáo dục, H 1980.
- 3) Trần Trọng Thủy, Bài tập thực hành tâm lí học, NXB Giáo dục, H 1930.
- 4) Nhiều tác giả, Một số vấn đề về cách dạy và cách học, (bản tuyển chọn GS. Nguyễn Cảnh Toàn, GS. Nguyễn Văn Thoá, GS. Nguyễn Như Ý và NG. Đình Quang Sửu), NXB Đại học quốc gia H 2002.